

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-03-2019

V/v: “Không công nhận quan hệ vợ chồng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Phương Lan Anh**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Đức Đẹp**
2. Bà **Võ Thị Bời**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Phương Thảo**- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT tham gia phiên tòa:

Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Duy L**—Sinh năm: 1972

Địa chỉ: Xóm 5, Xã N, Huyện N, Tỉnh Nghệ An. (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà **Võ Thị N**— Sinh năm: 1974

Địa chỉ: Thôn P, Xã P, NT, Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn (ông Nguyễn Duy L) trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:

Tôi và cô Võ Thị N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn cho đến nay. Trong quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên chúng tôi thường xuyên xảy ra cãi vã. Chúng tôi không thể chung sống với nhau được nữa và đã sống ly thân nhau 16 năm nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần giải thoát sự ràng buộc cho nhau nên nên tôi xin được Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và cô Nguyệt, để mỗi người có cuộc sống riêng.

+ Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy S – sinh ngày 10/02/1995 và Nguyễn Thị T – sinh ngày 02/06/1997. Hiện nay cả 02 cháu đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn (bà Võ Thị N) trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa: Tôi thống nhất với lời trình bày của anh Nguyễn Duy L về thời gian chung sống nhưng không đăng ký kết hôn của chúng tôi, về mâu thuẫn vợ chồng và con chung. Nay anh L khởi kiện yêu cầu xin không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và anh L thì tôi đồng ý vì thực tế chúng tôi đã sống ly thân nhau 16 năm.

+ Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy S – sinh ngày 10/02/1995 và Nguyễn Thị T – sinh ngày 02/06/1997. Hiện nay cả 02 cháu đều đã trưởng thành nên tôi cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT phát biểu: Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận ông Nguyễn Duy L và bà Võ Thị N là vợ chồng; về các vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không phải xem xét; về án phí: ông L phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến trình bày của bị đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Duy L và bà Võ Thị N tự nguyện sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 1993 nhưng đây vẫn được xác nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo như ông L trình bày thì trong quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, ông nhận thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa nên ông yêu cầu được giải quyết không công nhận vợ chồng với bà N để mỗi người có cuộc sống riêng.

Bị đơn là bà Võ Thị N cũng xác nhận trong quá trình chung sống, giữa bà và ông L thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, hay cãi vã nhau, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa và hiện cả hai đã ly thân 16 năm nên bà đồng ý ly hôn với ông L.

Xét tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Duy L và bà Võ Thị N không thể hàn gắn được, bởi lẽ cả hai bên đã không còn chung sống với nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận ông Nguyễn Duy L và bà Võ Thị N là quan hệ vợ chồng.

[2] Về con chung: Giữa ông Nguyễn Duy L và bà Võ Thị N có 02 con chung nhưng các con chung đều trưởng thành bình thường nên Tòa án không giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Duy L và bà Võ Thị N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về phần tài sản chung và nợ chung, nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Duy L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09/06/2000 về hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Duy L và bà Võ Thị N.

2. Về con chung: Không giải quyết về vấn đề con chung của ông L và bà N do các con chung đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét về phần tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nếu sau này các đương sự trong vụ án Hôn nhân gia đình có đơn yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Duy L phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0010684 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố NT. Ông L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP NT;
- Chi cục THADS TP NT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Trần Phương Lan Anh